

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 5 năm 2025

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Đâu;

2. Ông Đỗ Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng – Kiểm sát viên VKSND thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì xét xử công khai vụ án thụ lý số: 375/2024/HNGĐ- ST ngày 25/11/2024 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 27/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 18 ngày 21/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Kim P, sinh năm 1981; CCCD 025181001332; Nơi cư trú: Khu A, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Phan Văn D, sinh năm 1973; CMND 131137979; Nơi cư trú: Tổ B, khu A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Hoàng Thị Kim P có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Phan Văn D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Hoàng Thị Kim P trình bày:

Chị và anh Phan Văn D có đăng ký kết hôn ngày 17/7/2013 tại UBND phường T tuy nhiên chị và anh D không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa

phương. Trước khi đăng ký kết hôn chị và anh D sống với nhau như vợ chồng và sinh được một người con là cháu Phan Hải Đ, sinh ngày 27/11/2010. Khi cháu Đ đến tuổi đi học mầm non do chưa làm giấy khai sinh, vì vậy chị và anh D đăng ký kết hôn để làm giấy khai sinh cho cháu Đ. Chị và anh D chỉ sống với nhau được khoảng một năm tại tổ B phố H phường B, thành phố V, nay anh D đã bán ngôi nhà hay chưa thì chị không biết, vì sau khi kết hôn chị phát hiện anh D bị nghiện hút vì thế anh D không dùng điện thoại, anh D có mẹ đã đi lấy chồng giờ ở đâu chị cũng không biết còn bố đẻ anh D đã chết từ lâu, chị với gia đình anh D không liên lạc gì với nhau. Chị và cháu Phan Hải Đ đã về sinh sống tại khu 10 xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ từ năm 2014 đến nay. Chị và anh D không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì cho chị được ly hôn với anh Phan Văn D để chị ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị xác nhận chị và anh Phan Văn D có 01 con chung là cháu Phan Hải Đ, sinh ngày 27/11/2010. Ly hôn chị P đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ đến khi thành niên và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị P không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về án phí ly hôn chị P tự nguyện chịu không yêu cầu anh D phải chịu.

* Bị đơn anh Phan Văn D có mặt tại buổi làm việc tại Tòa án ngày 06 tháng 12 năm 2024; sau khi được Thẩm phán giải thích quyền của đương sự theo quy định, anh D có đồng ý với đơn khởi kiện xin ly hôn của chị P, anh không viết bản tự khai; không ký vào các biên bản phiên họp giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Hòa giải thành và tự ý bỏ về.

* Cháu Phan Hải Đ trình bày: Hiện nay cháu đang ở cùng mẹ cháu là Hoàng Thị Kim P tại khu A, xã Y, huyện H, cháu về ở tại huyện H từ khi cháu lớn lên nên cháu cũng không rõ cháu ở H từ khi nào. Bố cháu tên là Phan Văn D sinh ngày 16/3/1973, cháu không biết bố cháu đang ở đâu, cháu chỉ biết bố cháu đang ở phường B, thành phố V còn địa chỉ cụ thể cháu không rõ. Bố cháu không dùng điện thoại, một năm bố chỉ lên thăm cháu 1 đến 2 lần, những lần lên thăm cháu, bố cháu có phá phách và đánh cháu, bố cháu không ngủ cùng mẹ cháu mà ngủ ngoài phòng khách, có lần bố cháu đánh cháu tưởng gãy quai hàm từ mấy năm trước nên giờ cháu cũng không quan tâm bố cháu ở đâu, có muốn liên lạc với bố cũng không được vì mẹ cháu nói do bố bị nghiện nên hay đi lang thang và không dùng điện thoại vì sợ bị bắt. Hiện nay cháu đang học lớp 8 vì cháu bị đúp nên giờ mới học đến lớp 8 ở trường tại xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Ông nội cháu chết lâu rồi còn bà nội cháu ở đâu cháu không biết. Cháu thấy mẹ cháu vất vả nuôi cháu còn bố cháu không chăm sóc cháu ngày nào. từ khi lớn lên đến giờ cháu ở 1 mình với mẹ, hai mẹ con chăm sóc nhau, bố cũng không cho cháu đồ vật, quần áo hay tiền nong gì, mỗi lần bố cháu lên thăm thì chỉ để xin tiền mẹ cháu, nếu mẹ cháu không cho thì

bố mẹ cháu sẽ cãi nhau. Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu đề nghị Tòa án cho cháu ở với mẹ.

Đại diện VKSND thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, đại diện VKSND thành phố Việt Trì đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 ; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị Kim Phúc X : Cho chị Hoàng Thị Kim P được ly hôn với anh Phan Văn D.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Hải Đ, sinh ngày 27/11/2010 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dũng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P. Hai bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, công sức và quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị P không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Dũng không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên không xem xét.

Về án phí: Chị P tự nguyện chịu toàn bộ án phí của vụ án, cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Hoàng Thị Kim P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì giải quyết cho chị ly hôn với anh Phan Văn D; Nơi cư trú: Tổ B, khu A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp về việc ly hôn, nuôi con chung giữa chị Hoàng Thị Kim P và anh Phan Văn D là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

[1.2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện chị P cung cấp địa chỉ của anh Phan Văn D tại tổ B, phố H, phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D theo địa chỉ chị P cung cấp, tuy nhiên không tổng đạt được do không đúng địa chỉ; Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự.

Chị P đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và không mở phiên họp hòa giải vì vợ chồng

chị không thể hàn gắn được và chị có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh D đã được tổng đạt hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết; Xác minh tại Công an phường B, nay là phường T, thành phố V, kết quả xác minh: Anh Phan Văn D, sinh năm 1973 không đăng ký thường trú hay tạm trú và cũng không sinh sống tại phường T, thành phố V. Tòa án đã xác minh tại Công an phường T, kết quả xác minh: Anh Phan Văn D, sinh năm 1973 có đăng ký tại tổ B, khu A, phường T, thành phố V, tuy nhiên anh D thường xuyên không có mặt tại địa phương và không có nhà ở tại địa chỉ đăng ký thường trú. Tại địa chỉ đăng ký thường trú của anh D không còn nhân khẩu nào khác, anh D cũng không đăng ký tạm trú tạm vắng tại địa chỉ khác. Chính quyền địa phương cung cấp anh D và chị P có đăng ký kết hôn tại phường T, anh D và chị P có một người con chung là cháu Đ, anh D vẫn đăng ký thường trú tại khu A, phường T. Vì vậy, Tòa án thông báo kết quả phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và không hòa giải được. Căn cứ vào Điều 227 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung xét xử vắng mặt chị P và anh D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Kim P và anh Phan Văn D tự nguyện tìm hiểu, đã đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh D là hôn nhân hợp pháp. Chị P trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau về mọi mặt, cả hai không có tiếng nói chung, anh D lại nghiện ngập không có việc làm, nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D vẫn vắng mặt, thể hiện anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu...có nghĩa vụ sống chung...”. Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Hải Đ, sinh ngày 27/11/2010. Khi ly hôn chị P xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, vì từ năm 2014 vợ chồng anh chị đã sống ly thân, chị P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ nên cần giao cháu Phan Hải Đ, sinh ngày 27/11/2010 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên có khả năng lao động, là phù hợp với quy định của luật hôn nhân và gia đình. Anh D cũng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P do chị P không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Hoàng Thị Kim P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị P nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là

300.000 đồng, đây là sự tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[4] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 264, Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Kim P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Kim P được ly hôn với anh Phan Văn D.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị Kim P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phan Hải Đ, sinh ngày 27/11/2010 đến khi thành niên có khả năng lao động. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị Kim P không yêu cầu anh Phan Văn D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Phan Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp anh Phan Văn D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung; Nợ chung; Công sức đóng góp: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Kim P phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003276 ngày 22/11/2024 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (do bà Lê Thị Kim L nộp thay).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ; VKS NDTP Việt Trì
- Chi cục THADS TP Việt Trì;
- UBND phường Thanh Miếu;
- Đương sự;
- Lưu HS- AV./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương Giang